

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán chuyển nguồn)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	18.692,70	8.249,03	10.443,68	15.678,94	6.469,00	9.209,94	83,9	78,4	88,2
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.953,06	-	1.953,06	1.270,30	-	1.270,30	65,0		65,0
I	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn ngân sách trung ương (10472)	219,00	-	219,00	219,00	-	219,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	219,00	-	219,00	219,00	-	219,00	100,0		100,0
II	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách trung ương (10473)	784,56	-	784,56	755,85	-	755,85	96,3		96,3
1	Phòng Văn hóa - Xã hội	180,00	-	180,00	154,25	-	154,25	85,7		85,7
2	Phòng Kinh tế	604,56	-	604,56	601,60	-	601,60	99,5		99,5
III	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương (10474)	417,00	-	417,00	25,00	-	25,00	6,0		6,0
1	Phòng Văn hóa - Xã hội	417,00	-	417,00	25,00	-	25,00	6,0		6,0
IV	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương (10476)	66,00	-	66,00	66,00	-	66,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	9,00	-	9,00	9,00	-	9,00	100,0		100,0
2	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	57,00	-	57,00	57,00	-	57,00	100,0		100,0
V	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10477)	267,00	-	267,00	101,21	-	101,21	37,9		37,9
1	Phòng Kinh tế	267,00	-	267,00	101,21	-	101,21	37,9		37,9
VI	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20472)	21,00	-	21,00	18,29	-	18,29	87,1		87,1
1	Phòng Kinh tế	21,00	-	21,00	18,29	-	18,29	87,1		87,1
VII	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20473)	85,16	-	85,16	61,16	-	61,16	71,8		71,8
1	Phòng Kinh tế	61,16	-	61,16	61,16	-	61,16	100,0		100,0
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	24,00	-	24,00	-	-	-	-		-

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán chuyển nguồn)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
VIII	<i>Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20474)</i>	45,00	-	45,00	-	-	-	-		-
1	Phòng Văn hóa - Xã hội	45,00	-	45,00	-			-		-
IX	<i>Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20476)</i>	6,00	-	6,00	6,00	-	6,00	100,0		100,0
1	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	6,00	-	6,00	6,00		6,00	100,0		100,0
X	<i>Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20477)</i>	33,00	-	33,00	8,45	-	8,45	25,6		25,6
1	Phòng Kinh tế	33,00	-	33,00	8,45		8,45	25,6		25,6
XI	<i>Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn NS cấp xã (40472)</i>	3,70	-	3,70	3,70	-	3,70	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	3,70	-	3,70	3,70		3,70	100,0		100,0
XII	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn NS cấp xã (40473)</i>	5,64	-	5,64	5,64	-	5,64	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	5,64	-	5,64	5,64		5,64	100,0		100,0
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	16.739,64	8.249,03	8.490,62	14.408,64	6.469,00	7.939,63	86,1	78,4	93,5
I	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)	896,00	896,00	-	875,05	875,05	-	97,7	97,7	
1	Phòng Kinh tế	896,00	896,00	-	875,05	875,05	-	97,7	97,7	
II	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nguồn vốn ngân sách trung ương (10493)	266,80	-	266,80	266,60	-	266,60	99,9		99,9
1	Phòng Kinh tế	266,80	-	266,80	266,60		266,60	99,9		99,9

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán chuyển nguồn)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
III	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20491)	192,59	-	192,59	164,59	-	164,59	85,5		85,5
1	Phòng Kinh tế	192,59		192,59	164,59		164,59	85,5		85,5
IV	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)	10.597,93	6.172,23	4.425,70	8.643,91	4.709,61	3.934,31	81,6	76,3	88,9
1	Phòng Kinh tế	10.597,93	6.172,23	4.425,70	8.643,91	4.709,61	3.934,31	81,6	76,3	88,9
V	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) (20493)	180,00	-	180,00	179,99	-	179,99	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	180,00		180,00	179,99		179,99	100,0		100,0
VI	Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn nguồn NS cấp tỉnh (20495)	359,13	-	359,13	359,13	-	359,13	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	359,13		359,13	359,13		359,13	100,0		100,0
VII	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20497)	1.057,11	-	1.057,11	1.057,11	-	1.057,11	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	1.057,11		1.057,11	1.057,11		1.057,11	100,0		100,0
VIII	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thôn nguồn NS cấp tỉnh (20498)	936,00	-	936,00	935,62	-	935,62	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	936,00		936,00	935,62		935,62	100,0		100,0

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán chuyển nguồn)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
IX	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20499)	232,84	-	232,84	202,84	-	202,84	87,1		87,1
1	Phòng Kinh tế	202,84		202,84	202,84		202,84	100,0		100,0
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	30,00		30,00	-			-		-
X	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20501)	30,00	-	30,00	30,00	-	30,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	30,00		30,00	30,00		30,00	100,0		100,0
XI	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới (20502)	166,11	-	166,11	165,11	-	165,11	99,4		99,4
1	Phòng Kinh tế	96,11		96,11	95,11		95,11	99,0		99,0
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	70,00		70,00	70,00		70,00	100,0		100,0
XII	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn NS cấp xã (40492)	1.229,80	1.180,80	49,00	933,35	884,35	49,00	75,9	74,9	100,0
1	Phòng Kinh tế	1.229,80	1.180,80	49,00	933,35	884,35	49,00	75,9	74,9	100,0
XIII	Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp xã (40495)	136,00	-	136,00	136,00	-	136,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	136,00		136,00	136,00		136,00	100,0		100,0
XIV	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn NS cấp xã (40496)	102,00	-	102,00	102,00	-	102,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	102,00		102,00	102,00		102,00	100,0		100,0

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán chuyển nguồn)			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi ĐT	Chi TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
XV	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp xã (40497)	176,00	-	176,00	176,00	-	176,00	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	176,00		176,00	176,00		176,00	100,0		100,0
XVI	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp xã (40501)	98,60	-	98,60	98,60	-	98,60	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	98,60		98,60	98,60		98,60	100,0		100,0
XVII	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới nguồn NS cấp xã (40502)	82,74	-	82,74	82,74	-	82,74	100,0		100,0
1	Phòng Kinh tế	82,74		82,74	82,74		82,74	100,0		100,0